

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 511/2020/HS-PT

Ngày: 30/9/2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Công Huân.

Các Thẩm phán:

1. Ông Vũ Tất Trình

2. Ông Bùi Đức Nam

Thư ký phiên tòa: Ông Lưu Quốc Khánh - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Hồ Thị Thanh Xuân - Kiểm sát viên.

Ngày 30/9/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 398/2020/TLPT-HS ngày 04/9/2020 đối với bị cáo Phạm Văn V do có kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh đối với bản án hình sự sơ thẩm số 75/2020/HS-ST ngày 28/7/2020 của Tòa án nhân dân Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị cáo có liên quan đến kháng nghị:

Họ và tên: **Phạm Văn V**; sinh năm 1964 tại Thành phố Hồ Chí Minh; giới tính: nam; nơi cư trú: (không có); nghề nghiệp: (không); trình độ học vấn: (không); dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn P (chết) và bà Hoàng Thị N (chết); hoàn cảnh gia đình: chưa có vợ con;

Nhân thân:

- Ngày 29/9/1988, bị Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 1 năm 6 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản của công dân” theo bản án số 132/HSST (bl.38-40);

-Ngày 26/11/1991, bị Tòa án nhân dân Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 3 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản của công dân”, theo bản án số 343/HSST (bl.41-43)

Tiền sự: Ngày 19/10/2018, bị Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc tại cơ sở cai nghiện ma túy Số 3 với thời hạn 1 năm 3 tháng (bl.44).

Bắt, tạm giam: 20/01/2020;

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người có liên quan đến kháng nghị:

Bị hại: Bà **Trương Thị Phương L**, sinh năm 1981; nơi cư trú: 116/109/12 đường Thiên Phước, Phường 9, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 15 giờ 50 phút ngày 10/12/2019, bị cáo Phạm Văn V một mình đi bộ vào chợ Kim Biên, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh, với mục đích tìm kiếm sơ hở để trộm cắp tài sản của người khác. Khi đi đến sạp số 03+04 của bà Trương Thị Phương L, thì bị cáo nhìn thấy phía trước sạp có để một gói hàng được bọc bao nylon màu đen (bên trong có 96 cái áo lót phụ nữ cùng loại và 50 cái quần lót phụ nữ cùng loại), được cột chung với một gói hàng khác. Lợi dụng trong lúc không có ai trông coi, bị cáo lén lút mở dây nối giữa hai gói hàng, lấy trộm gói hàng được bọc bao nylon màu đen (đã đề cập), rồi bỏ đi ra đường Vạn Tượng và tiếp tục đi theo hướng về đường Hải Thượng Lãn Ông. Lúc này, bà L phát hiện thấy bị cáo đang ôm gói hàng hóa của mình nên đuổi theo và tri hô. Nghe tiếng bà L tri hô, bị cáo liền vứt gói hàng rồi bỏ chạy. Khi bị cáo chạy đến giao lộ Vạn Tượng - Hải Thượng Lãn Ông thì bị anh Trình Duy H và anh Trần Đình T (đều là bảo vệ của Ban quản lý chợ Kim Biên) đuổi theo và bắt giữ; sau đó giao bị cáo cùng vật chứng cho Công an Phường 13, Quận 5 xử lý. Cùng ngày, bà L đến Công an Phường 13, Quận 5 trình báo vụ việc.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 5, bị cáo khai nhận hành vi trộm cắp như đã nêu.

Căn cứ kết quả định giá tài sản số 179/HDDG ngày 17/12/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự Quận 5, xác định được trị giá số tài sản mà bị cáo trộm cắp của bà L như sau: 96 cái áo lót phụ nữ cùng loại, có in chữ BRA, mã số 667, chưa qua sử dụng, tỷ lệ mới 100%, có tổng trị giá là

2.880.000đ; 50 cái quần lót phụ nữ cùng loại, có in chữ Công ty TNHH MTV TM XNK & may mặc Thịnh Phát, No: 3268, chưa qua sử dụng, tỷ lệ mới 100%, có tổng trị giá là 900.000đ.

Trong quá trình điều tra, cơ quan công an đã giao trả lại cho bà L toàn bộ số tài sản đã nêu.

Bản cáo trạng số 58/CT-VKS ngày 28/4/2020 của Viện kiểm sát nhân dân Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017 (Bộ luật hình sự năm 2015).

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 75/2020/HS-ST ngày 28/7/2020 của Tòa án nhân dân Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Căn cứ điểm g khoản 2 Điều 173; Điều 38; Điều 50; điểm h, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017),

Xử phạt bị cáo Phạm Văn V 2 (hai) năm 6 (sáu) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, thời hạn tù tính từ ngày 20/01/2020.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo của bị cáo và các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 07/8/2020, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Quận 5 có Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 01/QĐ-VKS, kháng nghị bản án sơ thẩm với nội dung như sau: Theo bản án 132/HSST ngày 29/9/1988 của Tòa án nhân dân Quận 10 (bản án 132/HSST) và bản án 343/HSST ngày 26/11/1991 của Tòa án nhân dân Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh (bản án 343/HSST) kết án bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản của công dân”, với hành vi cụ thể là chiếm đoạt xe đạp của người khác nhưng không xác định trị giá tài sản chiếm đoạt là bao nhiêu. Theo kết quả xác minh thì Chi cục thi hành án dân sự Quận 10 không có hồ sơ lưu trữ việc thi hành bản án 132/HSST, còn Chi cục thi hành án dân sự Quận 5 không thụ lý thi hành bản án 343/HSST. Mặt khác, theo quy định tại khoản 2 Điều 60 Bộ luật hình sự năm 2015 thì cũng đã hết thời hiệu thi hành. Tòa án cấp sơ thẩm cho rằng bị cáo chưa được xóa án tích kết án bị cáo theo điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 là không đúng quy định. Đề nghị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh sửa bản án sơ thẩm theo hướng xét xử bị cáo theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 và giảm hình phạt cho bị cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung đã nêu, không có ý kiến gì đối với quyết định kháng nghị.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc giải quyết kháng nghị như sau: Việc Tòa án cấp sơ thẩm xác định bị cáo phạm tội thuộc trường hợp “tái phạm nguy hiểm” là không đúng. Tuy nhiên, bị cáo là người có nhân thân xấu, mức án mà Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt là tương xứng với tính chất, mức độ vi phạm. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng nghị, sửa án sơ thẩm, tuyên bố bị cáo phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015; giữ nguyên hình phạt mà cấp sơ thẩm đã áp dụng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện ý kiến của kiểm sát viên và bị cáo, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Trong quá trình điều tra, truy tố, Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, bị cáo, người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng là hợp pháp.

[2]. Về kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh:

Căn cứ lời khai của bị cáo, người liên quan, căn cứ vật chứng thu giữ và các tài liệu, chứng cứ khác, có cơ sở để xác định: Khoảng 15 giờ 50 phút ngày 10/12/2019, ở tại chợ Kim Biên, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh, bị cáo Phạm Văn V đã có hành vi lén lút chiếm đoạt của bà Trương Thị Phương L một số tài sản là quần áo lót phụ nữ với tổng trị giá là 3.780.000đ. Bị cáo bị bắt quả tang, tài sản đã được thu hồi, giao trả bị hại.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân. Bị cáo nhận thức được hành vi của mình là sai trái, bị luật pháp nghiêm cấm nhưng vì động cơ vụ lợi nên vẫn cố ý vi phạm.

Bị cáo là người đã từng có 2 án tích: Ngày 29/9/1988, bị Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 1 năm 6 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản của công dân” (bản án số 132/HSST ngày 29/9/1988). Sau khi chấp hành xong hình phạt tù của bản án vừa nêu, vào ngày 28/9/1991, bị cáo lại tiếp tục có hành vi trộm cắp tài sản nên đã bị Tòa án nhân dân Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 3 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản của công dân”, thời hạn tù tính từ ngày 28/9/1991 (bản án số 343/HSST ngày 26/11/1991). Bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù của các bản án vừa nêu nhưng đến nay chưa thực hiện

việc nộp án phí. Theo kết quả xác minh thì Chi cục Thi hành án dân sự Quận 10 không tìm thấy hồ sơ lưu trữ thi hành bản án 132/HSST ngày 29/9/1988 (bl.40); Chi cục Thi hành án dân sự Quận 5 không thụ lý thi hành bản án 343/HSST ngày 26/11/1991 (bl.42). Theo quy định tại khoản 2, 4 và 5 Điều 60 Bộ luật hình sự năm 2015 thì thời hiệu thi hành bản án “*đối với các trường hợp xử phạt tiền, cải tạo không giam giữ hoặc xử phạt tù từ 03 năm trở xuống*” là 5 năm kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật. Đối chiếu với quy định vừa nêu thì thời hiệu thi hành bản án số 132/HSST ngày 29/9/1988 và bản án 343/HSST ngày 26/11/1991 đã lần lượt kết thúc vào ngày 28/9/1996 và ngày 26/11/1996. Như vậy, kể từ khi hết thời hiệu thi hành bản án, bị cáo không còn phải chấp hành các bản án đã nêu (bao gồm cả phần hình sự và dân sự). Mặt khác, trong cả hai lần bị cáo trộm cắp tài sản đã bị Tòa án nhân dân Quận 10 và Tòa án nhân dân Quận 5 kết án (như đã được đề cập), bị cáo đều trộm cắp xe đạp và bị bắt quả tang, tài sản trộm cắp được thu hồi trả cho người bị hại nhưng không xác được trị giá (do không định giá). Vì không có căn cứ để xác định trị giá những chiếc xe đạp mà bị cáo đã trộm cắp, nên cần phải suy luận theo hướng những chiếc xe đạp mà bị cáo trộm cắp có trị giá dưới 2.000.000đ để đảm bảo việc không gây bất lợi cho bị cáo; đồng thời, xác định bị cáo được đương nhiên xóa các án tích đã nêu vào thời điểm trước khi phạm tội lần này.

Căn cứ vào các nhận định đã nêu, có căn cứ để kết luận bị cáo đã phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015.

Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại. Do vậy, cần áp dụng điểm h và s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 để giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

Bị cáo là người có nhân thân không tốt, ngoài 2 án tích đã được xóa (như đã được đề cập ở phần trên), vào năm 2018, bị cáo còn bị Tòa án nhân dân Quận 6 áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc. Các tình tiết này cũng cần được lưu ý xem xét khi lượng hình.

Tòa án cấp sơ thẩm xác định bị cáo phạm tội thuộc trường hợp “tái phạm nguy hiểm” và kết án bị cáo theo điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự là không đúng theo quy định của pháp luật, dẫn đến việc xử phạt bị cáo 2 năm 6 tháng tù là nặng, không tương xứng với mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, đặc điểm nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ hình sự mà bị cáo được hưởng. Do vậy, cần sửa bản án sơ thẩm, kết án bị cáo theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 và giảm hình phạt cho bị cáo.

Các nhận định đã nêu cũng là căn cứ để chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm b khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015,

1.Sửa bản án hình sự sơ thẩm số 75/2020/HS-ST ngày 28/7/2020 của Tòa án nhân dân Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh,

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm h và s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017,

Xử phạt bị cáo **Phạm Văn V** 1 (một) năm 6 (sáu) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, thời hạn tù tính từ ngày 20/01/2020.

2.Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

3.Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- | | |
|--------------------------------------|-----|
| - TAND TC; | (1) |
| - TAND cấp cao tại TP.HCM | (1) |
| - VKSND TP. HCM; | (3) |
| - VKSND Quận Quận 5; | (1) |
| - PC53 - CATP; | (1) |
| - Bị cáo; | (1) |
| - Đường sự: | (0) |
| - Chi Cục THA Quận Quận 5; | (1) |
| - TAND Quận Quận 5; | (2) |
| - Công an Quận Quận 5; | (1) |
| - Sở Tư pháp TP.HCM; | (1) |
| - UBND xã, phường nơi bị cáo cư trú; | (1) |
| - Lưu: THS, hồ sơ, VT (22). | (4) |

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trương Công Huân